TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 746/2024/DS-ST
Ngày 23-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Thanh Thùy.

Các Hội thẩm nhân dân:Bà Nguyễn Thị Nguyên.

Ông Lại Hữu Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Đang – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 571/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 767/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 633/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T (Việt Nam).

Trụ sở: đường P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lan A; địa chỉ: đường T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 01/3/2024) (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim P (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp D (ấp B cũ), xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2024 và lời khai của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Lan A thì:

Ngày 15/10/2022, bà Nguyễn Thị Kim P đã ký với Công ty T (Việt Nam) Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3779893 với khoản vay trị giá là 31.980.000đ, lãi suất: 44%/năm. Ngày 13/12/2022, Công ty T (Việt Nam) đã giải ngân cho bà P số tiền vay nêu trên bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của bà P thông qua Ngân hàng Thương mại Cổ phần K.

Ngoài ra, bà P có mua bảo hiểm bảo vệ thu nhập gia đình của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T PRÉVOIR (MAP Life) theo Hợp đồng bảo hiểm số 9319633; Giấy chứng nhận bảo hiểm số hợp đồng 9319633 ngày 18/10/2022 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T PRÉVOIR (MAP Life) và chỉ định Công ty T (Việt Nam) thanh toán phí bảo hiểm cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T PRÉVOIR (MAP Life) bằng số tiền vay. Theo đó, bà P là người được bảo hiểm trong trường hợp tử vong hoặc bị thương tật vĩnh viễn do tai nạn thì Công ty T (Việt Nam) là người được ưu tiên thụ hưởng khoản tiền bảo hiểm. Đây không phải là giao dịch bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của bà P theo Hợp đồng tín dụng. Nên Công ty Trách nhiệm hữu hạn T PRÉVOIR (M) không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan trong vụ án này.

Theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3779893 ngày 15/10/2022, bà P có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng cho Công ty T (Việt Nam) số tiền 2.027.038đ trong kỳ hạng 24 tháng kể từ ngày 10/11/2022 đến ngày 10/10/2024. Kể từ ngày được giải ngân, bà P chỉ thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) 10 kỳ với tổng số tiền đã thanh toán là 20.394.000đ. Từ ngày 17/9/2023, bà P không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng.

Do bà P vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Công ty T (Việt Nam) đã liên hệ nhắc nợ nhiều lần qua điện thoại và gửi thư đề nghị thanh toán để thông báo trực tiếp cho bà P nhưng bà P vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên Công ty T (Việt Nam) đã khởi kiện yêu cầu bà P phải thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) tổng số nợ còn thiếu của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3779893 ngày 15/10/2022.

Sau khi Công ty T (Việt Nam) khởi kiện tại Tòa án, ngày 18/3/2024, bà P có thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) thêm 01 lần với số tiền 1.000.000đ. Tổng số tiền bà P đã thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) là 21.394.000đ.

Do đó, Công ty T (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu bà P phải thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) tổng số nợ còn thiếu của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3779893 ngày 15/10/2022 tạm tính đến ngày 23/9/2024 là 32.396.127đ bao gồm: Nợ gốc là 20.487.170đ, nợ lãi trong hạn là 5.602.285đ, lãi quá hạn là 5.896.684đ, lãi chậm trả (tính trên số lãi trong hạn chưa thanh toán) là 409.988đ và tiếp tục chịu lãi, phí phát sinh kể từ ngày 24/9/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng.

Công ty T (Việt Nam) chỉ yêu cầu bà P thanh toán số nợ còn thiếu của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3779893 ngày 15/10/2022, không yêu cầu người nào khác phải trả khoản nợ nêu trên.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị Kim P đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản

trình bày ý kiến.

Theo kết quả xác minh ngày 16/7/2024 của Công an xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 2425/TAHBC ngày 03/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác minh tình trạng cư trú của bị đơn thì bà Nguyễn Thị Kim P có hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại địa chỉ ấp D (ấp B cũ), xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Lan A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt Ông.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị Kim P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 196; khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T (Việt Nam). Về án phí: Bà P phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty T (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim P trả số tiền còn nợ của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3779893 ngày 15/10/2022. Căn cứ kết quả xác minh ngày 16/7/2024 của Công an xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà P cư trú tại ấp D (ấp B cũ), xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp trong vụ án là "tranh chấp hợp đồng tín dụng" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Lan A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn – bà P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Căn cứ vào Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3779893 ngày 15/10/2022 có chữ ký xác nhận của bà Nguyễn Thị Kim P và đại diện Công ty T (Việt Nam); Phiếu báo nợ số giao dịch: FT22290694725920, số tham chiếu: 200145888345583.030001 ngày giao dịch: 17/10/2022 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K và Giấy chứng nhận bảo hiểm số hợp đồng 9319633 ngày 18/10/2022 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T PRÉVOIR (M) thể hiện Công ty T (Việt Nam) đã chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng cho bà P số tiền 30.000.000đ, với nội dung "MIRAE ASSET CHUYỂN TIỀN GN nguyen thi kim phung HD 3779893", và nộp phí bảo hiểm 1.980.000đ thay bà P theo đúng thỏa thuận về "giải ngân số tiền vay" tại tiểu mục 7.4 mục 7 của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3779893 ngày 15/10/2022 nên có cơ sở xác định bà P có vay của Công ty T (Việt Nam) số tiền 31.980.000đ, lãi suất từ kỳ thanh toán thứ 1 đến kỳ thanh toán thứ 20: 3.67%/tháng, từ kỳ thanh toán thứ 21 đến kỳ thanh toán thứ 24: 0%/tháng; thời hạn vay từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 10/10/2024. Nội dung của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3779893 ngày 15/10/2022 thể hiện việc giao kết hợp đồng giữa Công ty T (Việt Nam) và bà P là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đã phát sinh hiệu lực theo Điều 117, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2] Căn cứ Báo cáo lịch sử thanh toán hợp đồng tín dụng ngày 23/9/2024, Báo cáo thu hồi nợ vay hợp đồng tín dụng ngày 23/9/2024 và trình bày của Công ty T (Việt Nam) thì trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà P đã thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) 10 kỳ (từ ngày 10/11/20222 đến ngày 16/9/2023) với tổng số tiền là 20.394.000đ. Từ ngày 17/9/2023, bà P không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng đã ký với Công ty T (Việt Nam). Đến ngày 18/3/2024, bà P thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) 1.000.000đ và tiếp tục không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho đế nay. Tính đến ngày 23/9/2024 bà P còn nợ Công ty T (Việt Nam) số tiền là 32.396.127đ, trong đó nợ gốc là 20.487.170đ, lãi trong hạn là 5.602.285đ, lãi quá hạn là 5.896.684đ, lãi chậm trả là 409.988đ. Do bà P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Công ty T (Việt Nam) yêu cầu bà P thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 24/9/2024 cho đến khi bà P thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng đã ký là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại mục 8 Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3779893 ngày 15/10/2022 và quy định tại Điều 280; khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91; Điều 95 và Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017; Điều 23; Điều 25 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Theo kết quả xác minh ngày 16/7/2024 của Công an xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà P có thực tế cư trú tại B, ấp D (ấp B cũ), xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà P đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, trong đó nêu rõ yêu cầu của Công ty T (Việt Nam) về việc yêu cầu bà P trả toàn bộ số tiền còn nợ của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3779893 ngày 15/10/2022 nhưng bà P không có ý kiến phản đối yêu cầu của Công ty T (Việt Nam). Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh.

[4] Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T (Việt Nam), buộc bà P có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ phát sinh theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3779893 ngày 15/10/2022 tính đến ngày 23/9/2024 là 32.396.127đ, trong đó nợ gốc là 20.487.170đ, lãi trong hạn là 5.602.285đ, lãi quá hạn là 5.896.684đ, lãi chậm trả là 409.988đ và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 24/9/2024 theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng đã giao kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T (Việt Nam) nên bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.619.806đ; Công ty T (Việt Nam) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên trả lại cho Công ty T (Việt Nam) số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 và Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017;

- Căn cứ vào Điều 117; Điều 280; Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều các năm 2014, 2018, 2020, 2022,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T (Việt Nam).

Buộc bà Nguyễn Thị Kim P có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) tổng số tiền còn nợ theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3779893 ngày 15/10/2022 tính đến ngày 23/9/2024 là 32.396.127đ (ba mươi hai triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn một trăm hai mươi bảy đồng), trong đó nợ gốc là 20.487.170đ (hai mươi triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn một trăm bảy mươi đồng), lãi trong hạn là 5.602.285đ (năm triệu sáu trăm lẻ hai nghìn hai trăm tám mươi lăm đồng), lãi quá hạn là 5.896.684đ (năm triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm tám mươi bốn đồng) và lãi chậm trả là 409.988đ (bốn trăm lẻ chín nghìn chín trăm tám mươi tám đồng).

Kể từ ngày 24/9/2024 cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị Kim P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng đã ký kết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.619.806đ (một triệu sáu trăm mười chín nghìn tám trăm lẻ sáu đồng).

Công ty T (Việt Nam) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty T (Việt Nam) số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 674.716đ (sáu trăm bảy mươi bốn nghìn bảy trăm mười sáu đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004230 ngày 26/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều các năm 2014, 2018, 2020, 2022 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều các năm 2014, 2018, 2020; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại của Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều các năm 2014, 2018, 2020, 2022.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày đương sự được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nguyên **Lại Hữu Tâm** **Lê Nguyễn Thanh Thùy**

